

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá cho Gói thầu Mua sắm hóa chất, vật tư y tế đợt 1 năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng
Địa chỉ: 68 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ngô Thị Kim Loan - Số điện thoại: 0905659559

Email: khoaduocbvm2024@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Báo giá được niêm phong trong bì, nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng, 68 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 15h00 ngày 13 tháng 03 năm 2025 đến trước 15h00 ngày 24 tháng 03 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24/03/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục mời chào giá: Theo Phụ lục 1 đính kèm.

2. Hồ sơ báo giá được niêm phong trong bì kín bao gồm:

- Biểu mẫu báo giá : Theo Phụ lục 2 đính kèm.
- Giấy phép đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp báo giá.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B,C,D theo quy định.
- Hồ sơ sản phẩm (nếu có...).

Giá chào bao gồm tất cả các chi phí liên quan như thuế, chi phí vận chuyển, chi phí khác (nếu có)

Báo giá phải do đại diện hợp pháp của đơn vị ký tên và đóng dấu đơn vị, ghi rõ hiệu lực của báo giá.



Đơn vị báo giá chịu trách nhiệm về tính pháp lý của bảng chào giá và các đơn vị chào giá đảm bảo độc lập, không liên quan với nhau.

Rất mong sự quan tâm và hợp tác của Quý công ty./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ CNTT (để đăng Website);
- <https://chaogiattbytt.moh.gov.vn/>;
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>;
- Lưu: VT, KD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Ngọc Ánh





PHỤ LỤC 1

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 200/TB-BVM ngày 13/03/2025 của Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
A. Hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy huyết học XP-100 (Sysmex)				
1	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	- Hóa chất có tính kiềm mạnh dùng để rửa, loại bỏ các chất phản ứng, dư lượng tế bào và protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy huyết học; - Thành phần: natri hypoclorit 5%; - Quy cách: lọ $\geq 50\text{ml}$; - Độ ổn định (hạn dùng) sau mở nắp đáp ứng nhu cầu sử dụng tại đơn vị: mỗi 50ml thể tích ổn định trong tối thiểu là 60 ngày (khi bảo quản theo đúng điều kiện quy định); - Sử dụng cho máy huyết học XP-100 (Sysmex).	Lọ	3
2	Hóa chất pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	- Hóa chất pha loãng máu toàn phần; - Thành phần: natri clorid 0,64%, acid boric 0,1%, natri tetraborat 0,02%, EDTA-2K 0,02%; - Quy cách: can $\geq 20\text{l}$; - Độ ổn định (hạn dùng) sau mở nắp đáp ứng nhu cầu sử dụng tại đơn vị: mỗi 20l thể tích ổn định trong tối thiểu là 30 ngày (khi bảo quản theo đúng điều kiện quy định); - Sử dụng cho máy huyết học XP-100 (Sysmex).	Can	30
3	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học	- Dung dịch ly giải hồng cầu để đếm chính xác số lượng bạch cầu; - Thành phần: muối amonium hữu cơ bậc 4 8,5g/l, natri clorid 0,6g/l; - Quy cách: lọ $\geq 500\text{ml}$; - Độ ổn định (hạn dùng) sau mở nắp đáp ứng nhu cầu sử dụng tại đơn vị: mỗi 500ml thể tích ổn định trong tối thiểu là 90 ngày (khi bảo quản theo đúng điều kiện quy định); - Sử dụng cho máy huyết học XP-100 (Sysmex).	Lọ	30
4	Hóa chất nội kiểm dùng cho máy xét nghiệm huyết học mức cao	- Hóa chất nội kiểm dùng cho máy xét nghiệm huyết học mức cao; - Thành phần gồm tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và chất bảo quản; - Quy cách: lọ $\geq 1,5\text{ml}$; - Độ ổn định (hạn dùng) sau mở nắp đáp ứng	Lọ	15

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
		nhu cầu sử dụng tại đơn vị: mỗi 1,5ml thể tích ổn định trong tối thiểu là 7 ngày (khi bảo quản theo đúng điều kiện quy định); - Sử dụng cho máy huyết học XP-100 (Sysmex).		
5	Hóa chất nội kiểm dùng cho máy xét nghiệm huyết học mức thấp	- Hóa chất nội kiểm dùng cho máy xét nghiệm huyết học mức thấp; - Thành phần gồm tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và chất bảo quản; - Quy cách: lọ $\geq 1,5\text{ml}$; - Độ ổn định (hạn dùng) sau mở nắp đáp ứng nhu cầu sử dụng tại đơn vị: mỗi 1,5ml thể tích ổn định trong tối thiểu là 7 ngày (khi bảo quản theo đúng điều kiện quy định); - Sử dụng cho máy huyết học XP-100 (Sysmex).	Lọ	15
6	Hóa chất nội kiểm dùng cho máy xét nghiệm huyết học mức trung bình	- Hóa chất nội kiểm dùng cho máy xét nghiệm huyết học mức trung bình; - Thành phần gồm tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và chất bảo quản; - Quy cách: lọ $\geq 1,5\text{ml}$; - Độ ổn định (hạn dùng) sau mở nắp đáp ứng nhu cầu sử dụng tại đơn vị: mỗi 1,5ml thể tích ổn định trong tối thiểu là 7 ngày (khi bảo quản theo đúng điều kiện quy định); - Sử dụng cho máy huyết học XP-100 (Sysmex).	Lọ	15
B. Hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy sinh hóa HumaLyzer 3000 (Human)				
7	Huyết thanh kiểm tra bình thường dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	- Được sử dụng để kiểm soát độ chính xác và độ lặp lại cho các xét nghiệm sinh hóa theo kỹ thuật tự động hoặc thủ công; - Thành phần: được điều chế từ huyết thanh bò, dưới dạng đông khô; - Quy cách: lọ $\geq 5\text{ml}$; - Độ ổn định (hạn dùng) sau khi hoàn nguyên đáp ứng nhu cầu sử dụng tại đơn vị: tối thiểu 7 ngày đối với tất cả các thành phần trong huyết thanh (ngoại trừ, bilirubin là 4 ngày và acid phosphatase là 2 ngày) khi bảo quản ở điều kiện $2 - 8^{\circ}\text{C}$; - Sử dụng cho máy sinh hóa HumaLyzer 3000 (Human).	Lọ	12
8	Huyết thanh kiểm tra bất	- Được sử dụng để kiểm soát độ chính xác và độ lặp lại cho các xét nghiệm sinh hóa theo kỹ thuật	Lọ	12

NH
ỆNH V
MÃ
THÀNH
ĐÀ
OS

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
	thường dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	tự động hoặc thủ công; - Thành phần: được điều chế từ huyết thanh bò, dưới dạng đông khô; - Quy cách: lọ $\geq 5\text{ml}$; - Độ ổn định (hạn dùng) sau khi hoàn nguyên đáp ứng nhu cầu sử dụng tại đơn vị: tối thiểu 7 ngày đối với tất cả các thành phần trong huyết thanh (ngoại trừ, bilirubin là 4 ngày và acid phosphatase là 2 ngày) khi bảo quản ở điều kiện $2 - 8^{\circ}\text{C}$; - Sử dụng cho máy sinh hóa HumaLyzer 3000 (Human).		
9	Hóa chất định lượng glucose	- Thuốc thử định lượng nồng độ glucose trong máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương bằng phương pháp đo màu enzym (GOD-PAP); - Giới hạn tuyến tính trên: $\geq 400 \text{ mg/dl}$ ($22,2 \text{ mmol/l}$) glucose; - Bộ thử nghiệm hoàn chỉnh gồm ≥ 4 lọ thuốc thử enzyme và ≥ 1 lọ chất chuẩn, đóng thành hộp; - Thuốc thử enzyme: ✓ Thành phần: glucose oxydase $\geq 15\text{KU/l}$, peroxidase $\geq 1,5\text{KU/l}$, 4-aminoantipyrin $0,25\text{mmol/l}$, phenol $0,75 \text{ mmol/l}$, hệ đệm phosphat 100mmol/l, mutarotase $> 0,1\text{KU/l}$, natri azide $0,095\%$; ✓ Quy cách: lọ $\geq 100\text{ml}$; - Chất chuẩn: ✓ Thành phần: glucose 100mg/dl; ✓ Quy cách: lọ $\geq 3\text{ml}$; - Thuốc thử sau khi mở đạt độ ổn định cho đến ngày hết hạn khi được bảo quản ở điều kiện $2 - 8^{\circ}\text{C}$; - Sử dụng cho máy sinh hóa HumaLyzer 3000 (Human).	Hộp	09

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
10	Hóa chất định lượng urea	- Thuốc thử định lượng nồng độ urea trong huyết thanh và huyết tương người (không được chống đông bằng heparin) bằng phương pháp so màu (dựa trên phản ứng Berthelot biến đổi); - Giới hạn tuyến tính trên: ≥ 400 mg/dl (66,6 mmol/l) urea; - Bộ thử nghiệm hoàn chỉnh gồm ≥ 1 lọ thuốc thử 1, ≥ 1 lọ thuốc thử 2, ≥ 1 lọ enzyme và ≥ 1 lọ chất chuẩn, đóng thành hộp; - Thuốc thử 1: ✓ Thành phần: natri salicylat 60 mmol/l, natri nitroprussid 5mmol/l, hệ đệm phosphat 120mmol/l, EDTA 1mmol/l; ✓ Quy cách: lọ ≥ 100ml; - Thuốc thử 2: ✓ Thành phần: hypoclorit 0,6g/l, hệ đệm phosphat 120mmol/l; ✓ Quy cách: lọ ≥ 100ml; - Enzyme: ✓ Thành phần: urease > 500KU/l; ✓ Quy cách: lọ ≥ 1ml; - Chất chuẩn: ✓ Thành phần: urea 80mg/dl (tương đương BUN 37,28mg/dl), natri azide 0,095%; ✓ Quy cách: lọ ≥ 3ml; - Độ ổn định (hạn dùng) sau mở nắp đáp ứng nhu cầu sử dụng tại đơn vị: mỗi 100ml thuốc thử và mỗi 1ml enzyme ổn định trong tối thiểu 6 tuần khi được bảo quản ở điều kiện 2-8°C hoặc tối thiểu 2 tuần khi được bảo quản ở điều kiện 15-25°C; chất chuẩn ổn định cho đến ngày hết hạn; - Sử dụng cho máy sinh hóa HumaLyzer 3000 (Human).	Hộp	2

C. Que thử sử dụng cho máy nước tiểu Dirui

11	Que thử nước tiểu 11 thông số	- Xét nghiệm định tính và bán định lượng 11 thông số nước tiểu: leukocytes, nitrite, urobilinogen, protein, pH, blood, SG, ketone, bilirubin, glucose, acid ascorbic; - Quy cách: dạng que; - Sử dụng cho máy xét nghiệm nước tiểu Dirui-H500 (Dirui - Trung Quốc).	Que	15.600
----	-------------------------------	---	-----	--------

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
D. Hóa chất, môi trường vi sinh				
12	Bộ thuốc nhuộm Gram	Bộ gồm 4 chai. Mỗi chai ≥ 250 ml, có thành phần lần lượt là: - Dung dịch Lugol; - Dung dịch Crystal Violet; - Dung dịch Safranin; - Dung dịch tẩy màu.	Bộ	01
13	Thạch máu	- Môi trường nuôi cấy phân biệt. Sử dụng để phân biệt các chủng vi khuẩn dựa trên đặc tính tán huyết; - Đổ sẵn trên đĩa đường kính 90mm, bao gói bằng màng.	Đĩa	120
14	Mueller	- Môi trường thực hiện kháng sinh đồ đối với các chủng vi khuẩn dễ mọc; - Đổ sẵn trên đĩa petri 120mm, bao gói bằng màng.	Đĩa	30
15	BHI broth	- Môi trường dùng để tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ Haemophilus influenzae; - Đóng gói trong ống hoặc tube có nút vặn chặt, chứa ≥ 3 ml môi trường.	Ống/ tube	90
16	Sabouraud Dextrose Agar	- Môi trường nuôi cấy vi nấm. Áp dụng phân lập vi nấm từ các bệnh phẩm; - Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm, bao gói bằng màng.	Đĩa	30
17	Kliggler Iron Agar	- Môi trường thực hiện thử nghiệm sinh hóa lên men glucose, lactose, khả năng sinh hơi và sinh H ₂ S để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc; - Tube thủy tinh có nắp vặn chặt có chứa ≥ 5 ml môi trường.	Tube	30
18	Simon Citrate Agar	- Môi trường dùng để phát hiện khả năng biến dưỡng citrate; - Tube thủy tinh có nắp vặn chặt có chứa ≥ 3 ml môi trường.	Tube	30
19	Môi trường di động	- Môi trường phát hiện khả năng di động của vi khuẩn; - Tube thủy tinh có nắp vặn chặt có chứa ≥ 3 ml môi trường.	Tube	30
20	Đĩa kháng sinh đồ gentamycin	- Khoanh/đĩa kháng sinh tẩm gentamycin dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm với kháng sinh của vi	Lọ/ống	1



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
		sinh vật; - Bảo quản kín, chống ẩm trong lọ hoặc ống; - Quy cách: lọ (ống) ≥ 50 đĩa.		
21	Đĩa kháng sinh đồ cefotaxime	- Khoanh/đĩa kháng sinh tẩm cefotaxime dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm với kháng sinh của vi sinh vật; - Bảo quản kín, chống ẩm trong lọ hoặc ống; - Quy cách: lọ (ống) ≥ 50 đĩa.	Lọ/ống	1
22	Đĩa kháng sinh đồ ceftazidime	- Khoanh/đĩa kháng sinh tẩm ceftazidime dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm với kháng sinh của vi sinh vật; - Bảo quản kín, chống ẩm trong lọ hoặc ống; - Quy cách: lọ (ống) ≥ 50 đĩa.	Lọ/ống	1
23	Đĩa kháng sinh đồ ceftriaxone	- Khoanh/đĩa kháng sinh tẩm ceftriaxone dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm với kháng sinh của vi sinh vật; - Bảo quản kín, chống ẩm trong lọ hoặc ống; - Quy cách: lọ (ống) ≥ 50 đĩa.	Lọ/ống	1
24	Đĩa kháng sinh đồ ciprofloxacin	- Khoanh/đĩa kháng sinh tẩm ciprofloxacin dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm với kháng sinh của vi sinh vật; - Bảo quản kín, chống ẩm trong lọ hoặc ống; - Quy cách: lọ (ống) ≥ 50 đĩa.	Lọ/ống	1
25	Đĩa kháng sinh đồ ofloxacin	- Khoanh/đĩa kháng sinh tẩm ofloxacin dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm với kháng sinh của vi sinh vật; - Bảo quản kín, chống ẩm trong lọ hoặc ống; - Quy cách: lọ (ống) ≥ 50 đĩa.	Lọ/ống	1
26	Đĩa kháng sinh đồ vancomycin	- Khoanh/đĩa kháng sinh tẩm vancomycin dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm với kháng sinh của vi sinh vật; - Bảo quản kín, chống ẩm trong lọ hoặc ống; - Quy cách: lọ (ống) ≥ 50 đĩa.	Lọ/ống	1
E. Vật tư xét nghiệm				
27	Đầu tip không lọc (pipet tip)/Đầu col 2-200 μ L	- Đầu tip không lọc, gắn vào pipet; - Sản xuất từ vật liệu nhựa polypropylen được phép sử dụng trong y tế; - Thể tích dung dịch có thể thao tác là 2-200 μ L; - Có khóa; - Nhà thầu có cam kết đầu tip sử dụng được cho pipet Human.	Cái	3.000

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
28	Đầu tip không lọc (pipet tip)/Đầu col 100-1000 μ L	- Đầu tip không lọc, gắn vào pipet; - Sản xuất từ vật liệu nhựa polypropylen được phép sử dụng trong y tế; - Thể tích dung dịch có thể thao tác là 100-1000μL; - Có khóa; - Nhà thầu có cam kết đầu tip sử dụng được cho pipet Human.	cái	1.000
29	Lam kính hiển vi	- Chất liệu: Thủy tinh; - Kích thước: 25.4x76.2mm (($\pm$ 5%); - Độ dày: 1-1.2mm ($\pm$ 5%); - Quy cách đóng gói: $\geq$ 72 miếng/hộp.	Hộp	20
30	Lamen 22x22mm	- Lamen 22x22mm ($\pm$ 5%), trong suốt; - Quy cách : $\geq$ 100 cái/hộp.	Hộp	15
31	Tube đựng nước tiểu	- Lọ nhựa có nắp; - Có dán nhãn ghi thông tin bệnh nhân; - Đường kính: 2cm ($\pm$10%); - Chiều cao: 10cm ($\pm$10%).	Tube/ Lọ/Ống	15.600
32	Tube eppendorf	- Chất liệu: nhựa polypropylene (PP); - Có nắp khóa chống bung; - Thể tích: $\geq$ 1,5 ml; có vạch chia thể tích.	Tube	500
33	Ống nghiệm có nắp, không chất chống đông	- Ống nghiệm sản xuất từ nhựa, không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong; - Có nắp; - Thể tích: $\geq$ 5ml	Cái	1.500
34	Phim X-Quang	- Phim dùng trong y tế; - Kích thước: 10x12 inches; - Mật độ quang học tối đa $\geq$ 3.1; - Công nghệ in phim khô; - Sử dụng tương thích với máy in phim khô Agfa Drystar 5302;	Tấm	14.400



Phụ lục 2
MẪU BÁO GIÁ
BÁO GIÁ⁽¹⁾

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 200 /TB-BVM ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng)

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số ... /TB-BVM ngày ... tháng ... năm ... của Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các mặt hàng như sau:

1. Báo giá cho các mặt hàng liên quan:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, Model	Mã HS (nếu có)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1											
2											
3											
4											
5											

2. Báo giá này có hiệu lực: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24/03/2025.

3. Chúng tôi cam kết :

*Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

*Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá

*Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày ... tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên và đóng dấu)